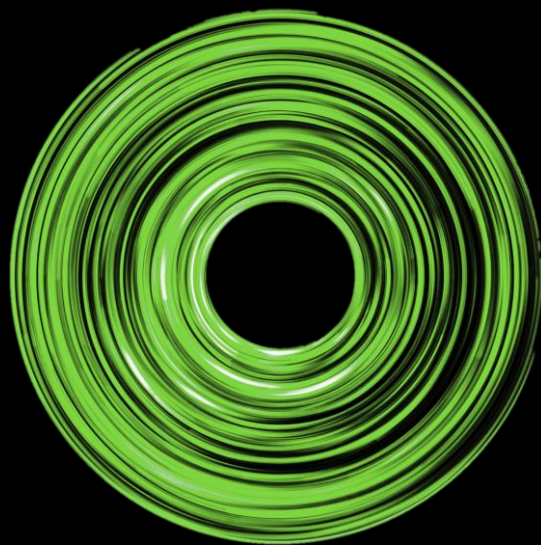


BẢN TIN VỀ LUẬT QUẢN LÝ THUẾ SỐ 38/2019/QH14

Nghị định số 126/2020/NĐ-CP
quy định chi tiết một số điều
của Luật Quản lý thuế
số 38/2019/QH14

Ngày 03/11/2020



Bản tin nhanh cho mục đích tham khảo
chuyên môn, không phát hành hoặc bán
trên thị trường

Bối cảnh

Ngày 19/10/2020, Chính phủ vừa ban hành **Nghị định số 126/2020/NĐ-CP** (“Nghị định 126”) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (“Luật Quản lý thuế số 38”) áp dụng đối với việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách Nhà nước, trừ nội dung quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, áp dụng hoá đơn, chứng từ, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hoá đơn, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

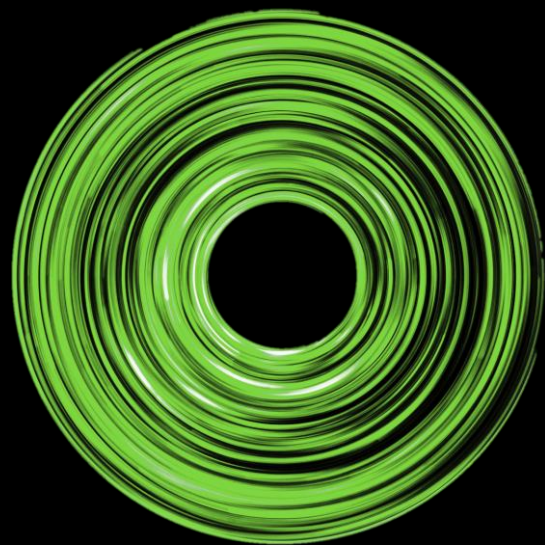
Nghị định 126 có **hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/12/2020** nhằm mục đích hoàn chỉnh một số văn bản pháp luật về quản lý thuế, tạo cơ sở cho cơ quan quản lý Thuế cũng như cho người nộp thuế thực hiện thống nhất, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung chính

Nghị định 126 gồm **9 chương, 44 điều**, được kết cấu như sau:

- Chương 1: Những quy định chung; có 6 điều (từ điều 1 đến điều 6);
- Chương 2: Khai thuế, tính thuế; có 7 điều (từ điều 7 đến điều 13);
- Chương 3: Ấn định thuế; có 4 điều (từ điều 14 đến điều 17);
- Chương 4: Thời hạn nộp thuế, trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; có 4 điều (từ điều 18 đến điều 21);
- Chương 5: Hoàn thuế, khoan tiền thuế nợ, xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; có 4 điều (từ điều 22 đến điều 25);
- Chương 6: Trách nhiệm cung cấp thông tin, công khai thông tin người nộp thuế và nhiệm vụ, quyền hạn của ngân hàng thương mại; có 5 điều (từ điều 26 đến điều 30);
- Chương 7: Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế; có 7 điều (từ điều 31 đến điều 37);
- Chương 8: Một số vấn đề khác; có 4 điều (từ điều 38 đến điều 41);
- Chương 9: Điều khoản thi hành; có 3 điều (từ điều 42 đến điều 44).

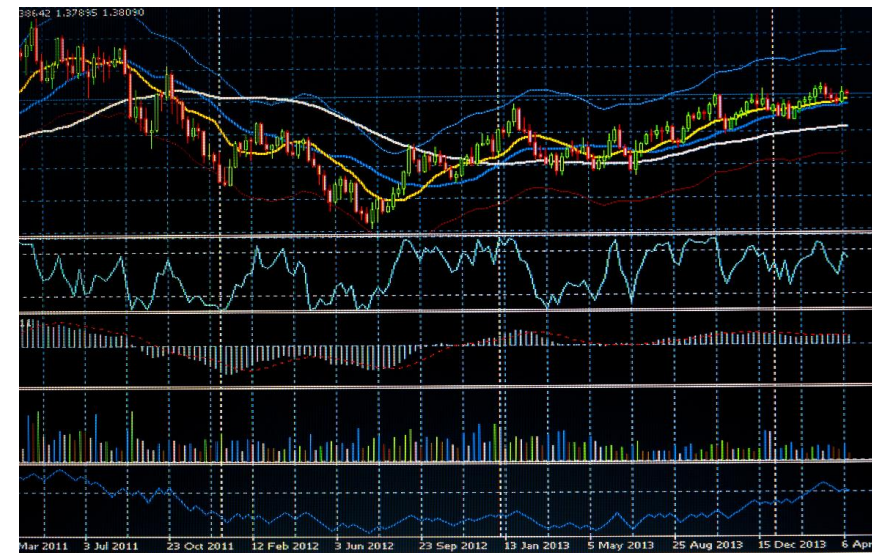
Trong Bản tin này, Deloitte Việt Nam tóm tắt một số nội dung đáng chú ý của Nghị định 126 như dưới đây.

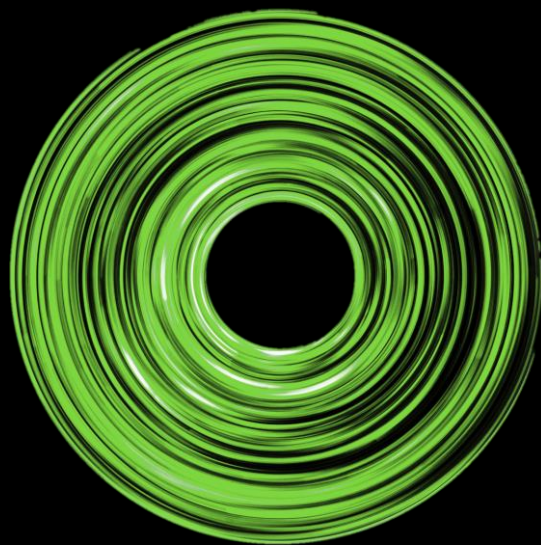


1. Quản lý thuế đối với người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh (Điều 4)

- Căn cứ xác định thời gian người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh:
 - Người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp: thời gian tạm ngừng kinh doanh được ghi nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia;
 - Người nộp thuế được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu: thời gian được ghi trên văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;
 - Người nộp thuế không thuộc diện đăng ký kinh doanh: thông báo đến cơ quan Thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh.
- Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế trong thời gian tạm ngừng hoạt động, kinh doanh:
 - Không phải nộp hồ sơ khai thuế, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh không trọn tháng, quý, năm dương lịch hoặc năm tài chính thì vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế tháng, quý; hồ sơ quyết toán năm;
 - Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán được cơ quan Thuế xác định lại nghĩa vụ thuế khoán;
 - Không được sử dụng hóa đơn và không phải nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn. Nếu được chấp thuận sử dụng hóa đơn thì phải nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quy định;

- Chấp hành các quyết định, thông báo của cơ quan quản lý Thuế về đơn đốc thu nợ, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế và xử lý hành vi vi phạm hành chính về quản lý thuế.
- Người nộp thuế đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan Thuế không được đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh khi cơ quan Thuế đã có thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.





2. kê khai và nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) (Điều 8)

- Người nộp thuế thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán sẽ căn cứ vào báo cáo tài chính quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế TNDN tạm nộp quý.
- Người nộp thuế không thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán sẽ căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế TNDN tạm nộp quý.
- Tổng số thuế TNDN tạm nộp của 03 quý đầu năm của năm tính thuế không được thấp hơn 75% tổng số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán năm.
- Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 03 quý đầu năm thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN của quý 03 đến ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách Nhà nước.
- Quy định về tạm nộp quý và khai quyết toán thuế TNDN năm như trên cũng áp dụng cho hãng vận tải nước ngoài.



3. Trường hợp ấn định thuế (Điều 14)

Bổ sung các trường hợp cơ quan Thuế có quyền ấn định thuế:

- Không chấp hành quyết định kiểm tra thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định, trừ trường hợp được hoãn thời gian kiểm tra theo quy định;
- Không chấp hành quyết định thanh tra thuế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký quyết định, trừ trường hợp được hoãn thời gian thanh tra theo quy định;
- Mua, trao đổi hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn mà hàng hóa, dịch vụ là có thật theo xác định của cơ quan có chức năng điều tra, thanh tra, kiểm tra và đã được kê khai doanh thu, chi phí tính thuế;
- Thực hiện các giao dịch không đúng với bản chất kinh tế, không đúng thực tế phát sinh nhằm mục đích giảm nghĩa vụ thuế của người nộp thuế;
- Không tuân thủ quy định về nghĩa vụ kê khai, xác định giá giao dịch liên kết hoặc không cung cấp thông tin theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết.

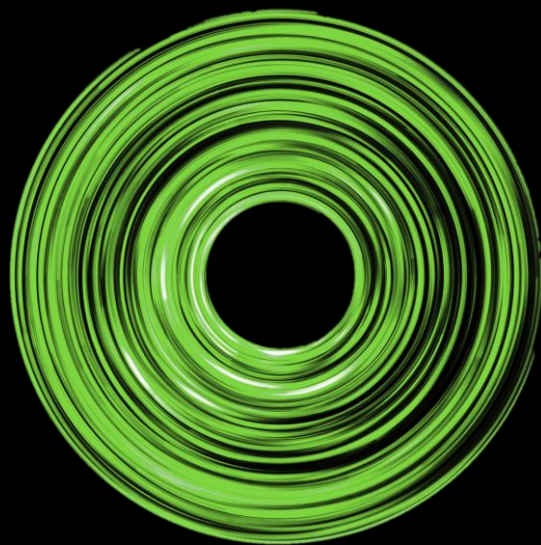
4. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp xuất cảnh (Điều 21)

Bổ sung thêm trường hợp cá nhân, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là doanh nghiệp thuộc trường hợp đang bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì bị tạm hoãn xuất nhập cảnh.

BẢN TIN VỀ LUẬT QUẢN LÝ THUẾ SỐ 38/2019/QH14

Nghị định số 126/2020/NĐ-CP
quy định chi tiết một số điều
của Luật Quản lý thuế
số 38/2019/QH14

Ngày 03/11/2020



Bản tin nhanh cho mục đích tham khảo
chuyên môn, không phát hành hoặc bán
trên thị trường

5. Công khai thông tin người nộp thuế (Điều 29)

Mở rộng các trường hợp cơ quan quản lý Thuế có thể công khai thông tin về người nộp thuế, ngoài trốn thuế, vi phạm pháp luật về thuế, không thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý Thuế, cụ thể:

- Không nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật thuế hiện hành;
- Ngừng hoạt động, chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế, không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;
- Chống, ngăn cản công chức thuế, công chức hải quan thi hành công vụ;
- Quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách Nhà nước hoặc hết thời hạn chấp hành các quyết định hành chính về quản lý thuế mà người nộp thuế hoặc người bảo lãnh không tự nguyện chấp hành;
- Cá nhân, tổ chức không chấp hành các quyết định hành chính về quản lý thuế mà có hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn;
- Các thông tin khác được công khai theo quy định của pháp luật

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của ngân hàng thương mại (“NHTM”), tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (“TGTT”) (Điều 30)

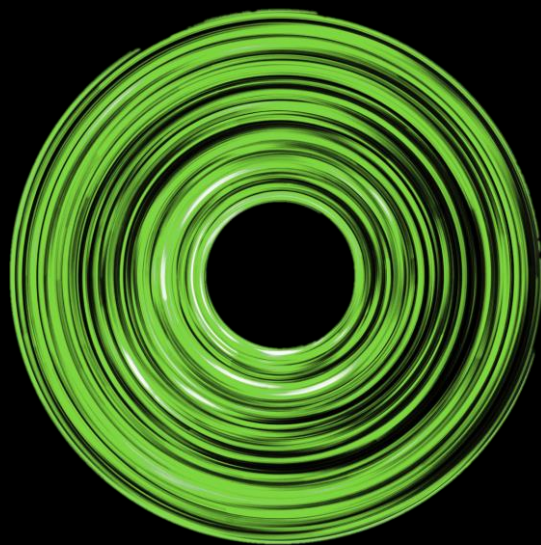
- Cung cấp các thông tin về tài khoản thanh toán của người nộp thuế mở tại ngân hàng cho cơ quan quản lý Thuế trong thời gian 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Việc cập nhật các thông tin về tài khoản được thực hiện hàng tháng trong 10 ngày của tháng kế tiếp. Phương thức cung cấp thông tin được thực hiện dưới hình thức điện tử;

- Cung cấp thông tin giao dịch qua tài khoản, số dư tài khoản, số liệu giao dịch theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan quản lý Thuế để phục vụ cho mục đích thanh tra, kiểm tra xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế theo quy định của pháp luật về thuế.
- Khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam theo quy định tại Khoản 3, Điều 27 Luật Quản lý thuế số 38. Cụ thể:
 - Nhà cung cấp ở nước ngoài chưa thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế: NHTM, TGTT thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế cho nhà cung cấp ở nước ngoài;
 - Tổng cục Thuế phối hợp với cơ quan có liên quan xác định, công bố tên, địa chỉ website của nhà cung cấp ở nước ngoài chưa thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế và thông báo cho NHTM, TGTT;
 - NHTM, TGTT có trách nhiệm theo dõi số tiền chuyển cho các nhà cung cấp ở nước ngoài và định kỳ hàng tháng gửi về Tổng cục Thuế nếu cá nhân có mua hàng hóa, dịch vụ của nhà cung cấp nước ngoài có thanh toán bằng thẻ hoặc các hình thức khác mà NHTM, TGTT không thể thực hiện khấu trừ;
 - Hàng tháng NHTM, TGTT có trách nhiệm kê khai, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền đã khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp ở nước ngoài theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

BẢN TIN VỀ LUẬT QUẢN LÝ THUẾ SỐ 38/2019/QH14

Nghị định số 126/2020/NĐ-CP
quy định chi tiết một số điều
của Luật Quản lý thuế
số 38/2019/QH14

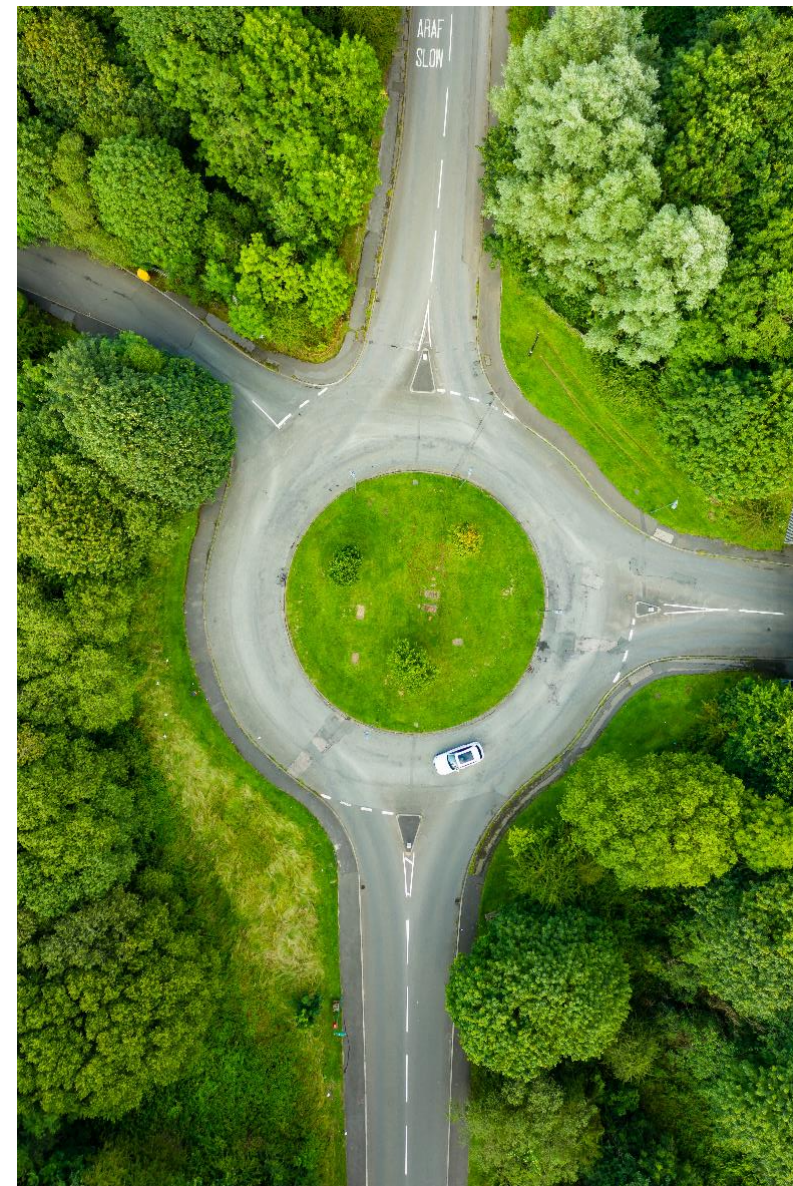
Ngày 03/11/2020



Bản tin nhanh cho mục đích tham khảo
chuyên môn, không phát hành hoặc bán
trên thị trường

7. Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết (APA) (Điều 41)

- Khoản 3, Điều 41: Giới thiệu các Mẫu đăng ký áp dụng APA mới (bao gồm Mẫu số 01/APA-TV, 02/APA-CT, và 03/APA-MAP). Cụ thể:
 - Người nộp thuế có yêu cầu áp dụng APA nộp đơn đề nghị áp dụng APA chính thức theo Mẫu số 02/APA-CT cùng 01 bộ hồ sơ đề nghị áp dụng APA chính thức đến Tổng cục Thuế;
 - Trường hợp người nộp thuế đề nghị áp dụng APA song phương hoặc APA đa phương thì người nộp thuế nộp kèm đơn đề nghị tiến hành thủ tục thỏa thuận song phương theo Mẫu số 03/APA-MAP;
 - Người nộp thuế có thể tham vấn ý kiến của Tổng cục Thuế trước khi nộp hồ sơ đề nghị áp dụng APA chính thức bằng cách gửi đơn đề nghị tham vấn theo Mẫu số 01/APA-TV.
- Khoản 7, Điều 41:
 - Thời điểm bắt đầu hiệu lực của APA được thực hiện theo quy định tại Khoản 16, Điều 3, Luật Quản lý thuế số 38 (bắt đầu trước ngày người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế).
 - Đối với các APA song phương hoặc đa phương có liên quan đến quản lý thuế của cơ quan quản lý Thuế nước ngoài, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.
- Khoản 12, Điều 41: Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn chi tiết việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.





Liên hệ với chúng tôi



Thomas McClelland

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

+84 28 7101 4333

tmcclelland@deloitte.com



Bùi Ngọc Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

+84 24 7105 0021

tbui@deloitte.com



Bùi Tuấn Minh

Phó Tổng Giám đốc

+84 24 7105 0022

mbui@deloitte.com



Phan Vũ Hoàng

Phó Tổng Giám đốc

+84 28 7101 4345

hoangphan@deloitte.com



Đinh Mai Hạnh

Phó Tổng Giám đốc

+84 24 7105 0050

handinh@deloitte.com



Suresh G Kumar

Phó Tổng Giám đốc

+84 28 7101 4400

ksuresh@deloitte.com



Võ Hiệp Vân An

Phó Tổng Giám đốc

+84 28 7101 4444

avo@deloitte.com



Vũ Thu Nga

Phó Tổng Giám đốc

+84 24 7105 0023

ngavu@deloitte.com

Văn phòng Hà Nội

Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 24 7105 0000

Fax: +84 24 6288 5678

www.deloitte.com/vn

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 28 7101 4555

Fax: +84 28 3910 0750

deloittevietnam@deloitte.com

Deloitte.



Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited (“DTTL” hay “Deloitte Toàn cầu”), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte Châu Á Thái Bình Dương là một hãng thành viên của Deloitte Toàn cầu. Các thành viên và các đơn vị trực thuộc của Deloitte Châu Á Thái Bình Dương cung cấp dịch vụ cho khách hàng tại hơn 100 thành phố trong khu vực, bao gồm Auckland, Bangkok, Bắc Kinh, Hà Nội, Hồng Kông, Jakarta, Kuala Lumpur, Manila, Melbourne, Osaka, Seoul, Thượng Hải, Singapore, Sydney, Đài Bắc và Tokyo. Tại các nước thành viên, các hoạt động kinh doanh được thực hiện độc lập bởi các pháp nhân riêng biệt.

Deloitte Việt Nam

Tại Việt Nam, dịch vụ chuyên ngành được cung cấp bởi từng pháp nhân riêng biệt, và chi nhánh của pháp nhân đó, được gọi chung là Deloitte Việt Nam.

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin chung và nhằm mục đích tham khảo, do vậy, không một hãng Deloitte Touche Tohmatsu Limited, hay bất kỳ một hãng thành viên hay công ty con (sau đây được gọi chung là “Tổ chức Deloitte”) và các nhân viên của họ được xem là, trong phạm vi nội dung của tài liệu này, cung cấp dịch vụ hay đưa ra những ý kiến, tư vấn về chuyên môn cho người đọc. Tài liệu này không cấu thành ý kiến tư vấn đối với người đọc và sẽ không ảnh hưởng đến các ý kiến tư vấn khác do bất kỳ nhân viên của Tổ chức Deloitte cung cấp. Những thông tin thể hiện trong tài liệu này không áp dụng đối với các trường hợp riêng biệt của doanh nghiệp. Trước khi đưa ra bất kỳ một quyết định hay hành động nào có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính hoặc hoạt động kinh doanh, người đọc nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn.

Không có tuyên bố, bảo đảm hoặc cam kết nào (rõ ràng hay ngụ ý) được đưa ra về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của thông tin trong tài liệu này, và không một hãng thành viên nào thuộc mạng lưới các công ty Deloitte chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất xảy ra trực tiếp hay gián tiếp do kết quả của việc người đọc sử dụng, công bố, phát tán ra bên ngoài hoặc dựa vào tài liệu này để hành động, không hành động hoặc ra bất kỳ quyết định nào. DTTL và mỗi thành viên là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý.

©2020 Công ty TNHH Tư vấn Thuế Deloitte Việt Nam